

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NINH BÌNH
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2018/HS-ST

NHÂN DANH

Ngày: 26 - 3 - 2018

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NINH BÌNH, TỈNH NINH BÌNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Sâm.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Bình.

Bà Đồng Thị Thanh Hương.

-***Thư ký phiên toà:*** Bà Giang Thị Thúy Thu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình tham gia phiên toà:***
Bà Nguyễn Thị Hồng Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2018/TLST- HS ngày 05 tháng 02 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19 /2018/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2018 đối với các bị cáo:

1.1. Họ và tên: **Bùi Văn T** (tên gọi khác: không), sinh năm 1965, tại Nam Định; nơi cư trú: 200, Hoàng Văn T, phường N, Thành phố N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn Đ (đã chết) và bà: Đinh Thị G; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân: Bản án số 08/HSPT Ngày 09/10/1988 TAND tỉnh Hà Nam Ninh xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, về tội trộm cắp tài sản công dân; Bản án số 167/HSST ngày 23/9/1988 TAND Thành phố N xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản công dân; Bản án số 15/HSST ngày 27/3/1992 TAND tỉnh Bắc Thái xử phạt 36 tháng tù về tội Cướp giật tài sản công dân; Bản án số 446/HSPT ngày 15/4/1995 Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao xử phạt 03 năm tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của công dân; Bản án số 148/HSST ngày 31/8/1999 TAND tỉnh Thái Bình xử phạt 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản; Bản án số 11/HSST ngày 15/5/2003 TAND huyện V, tỉnh Nam Định xử phạt 42 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản;

Bị cáo bị áp dụng Lệnh bắt khẩn cấp số 66 ngày 23/9/2017 sau đó chuyển tạm giam từ ngày 25/9/2017 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định cho đến nay theo Lệnh tạm giam số 102 ngày 25 tháng 9 năm 2017 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Nam Định; (có mặt).

1.2. Họ và tên: **Phạm Trọng Th** (tên gọi khác: không), sinh năm 1960, tại Nam Định; nơi ĐKNKTT: 2/54/253, đường H, phường L, Thành phố N, tỉnh Nam Định; Chỗ ở hiện nay: 29/80, đường N, phường Tr, Thành phố N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn L (đã chết) và bà: Lê Thị N (đã chết); có vợ: Nguyễn Kim Oanh và có 02 con; tiền sự: Không có; tiền án: Bản án số 406/HSST ngày 20/9/2016 TAND Thành phố N xử phạt 15 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, ra trại ngày 27/5/2017.

Nhân thân: Bản án số 10/HSST ngày 21/02/1981 TAND Thành phố N xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Bản án số 213/HSST ngày 10/11/1999 TAND Thành phố N xử phạt 06 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản;

Bị cáo bị áp dụng Lệnh bắt khẩn cấp số 67 ngày 23/9/2017 sau đó chuyển tạm giam từ ngày 25/9/2017 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định cho đến nay theo Lệnh tạm giam số 102 ngày 25 tháng 9 năm 2017 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Nam Định; (có mặt).

1.3. Họ và tên: **Vũ Đại Ng** (tên gọi khác: không), sinh năm 1981, tại Hà Nam; nơi cư trú: Xóm C, xã T, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vũ Trọng B - đã chết và bà: Trần Thị B; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không có; tiền sự: Ngày 27/01/2015 TAND Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng.

Nhân thân: Bản án số 49/HSST ngày 01/9/2004 TAND huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/9/2017 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định cho đến nay theo Lệnh bắt tạm giam số 47 ngày 25 tháng 9 năm 2017 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Nam Định; (có mặt).

- *Bị hại:* Anh **Đỗ Văn C**, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Số nhà 305, khu B, tập thể nhà máy Đ, phố N, phường T, thành phố Ninh Bình (vắng mặt).

- *Người làm chứng:* Anh **Hoàng Mai C**, sinh năm 1984; nơi cư trú: Mai X, xã M, Thành phố N, tỉnh Nam Định (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt nhau sau:

Do có mối quan hệ quen biết từ trước. Khoảng 9h30' ngày 03/9/2017, Bùi Văn T gọi điện thoại rủ Phạm Trọng Th đi trộm cắp tài sản, Th đồng ý. Sau đó Th điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SYMStar màu xanh BKS 18S4 - 6517 đi từ nhà đến nhà T, chở T đi theo hướng đường Quốc lộ 10 từ Thành phố N đến thành phố Ninh Bình. Khi đi qua cầu Non Nước thuộc thành phố Ninh Bình do không thuộc đường nên Th đổi cho T điều khiển xe mô tô còn Th ngồi sau. Đến khu tập thể nhà máy Đ Ninh Bình thuộc phố N, phường T, thành phố Ninh Bình, T phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda RSX màu đen cam BKS 35B1-65310 của anh Đỗ Văn C sinh năm 1994; trú tại số nhà 305, khu B tập thể nhà máy Đ Ninh Bình dựng ở chân cầu thang tầng 1, không có người trông coi nên nói với Th “Có cái xe kia”. Sau đó T điều khiển xe mô tô chở Th đến cạnh chân cầu thang khoảng 3m dừng xe ở đó, Th đứng ngoài C giới, T xuống xe đi bộ đến vị trí để xe quan sát thấy xe mô tô chỉ khóa cổ, không khóa càng, nên dùng văm phá khóa mang theo tra vào ổ khóa điện vặn theo chiều kim đồng hồ. Khi phá được khóa xe mô tô T cất văm phá khóa vào túi quần bên phải rồi lùi xe mô tô dắt ra ngoài, điều khiển xe theo đường Nguyễn Công Trứ về Thành phố N, còn Th điều khiển xe mô tô của Th theo sau. Th điều khiển xe mô tô về thẳng Thành phố N, còn T điều khiển xe mô tô BKS 35B1- 653.10 về chân Cầu Dầm thuộc xã M, huyện V, tỉnh Nam Định gọi điện cho Vũ Đại Ng, là người quen biết từ trước nói “Có xe Wave muốn bán có mua thì ra chân cầu Dầm mà xem”, mặc dù không có hứa hẹn từ trước nhưng trước đó Ng đã mua của T 2 chiếc xe mô tô do T trộm cắp được mà có nên Ng đồng ý, T hẹn Ng ra chân cầu Dầm để giao dịch. Khi gặp Ng, T không nói về nguồn gốc chiếc xe, nhưng Ng kiểm tra thấy xe mô tô không có chìa khóa, không có giấy tờ nên biết đó là tài sản do T trộm cắp được mà có, cả hai thỏa thuận giá 3.000.000đ. Sau khi giao dịch mua bán xong, T gọi điện thoại cho Th lên đón ở cầu Dầm. Trên đường về T chia cho Th số tiền 1.100.000đ nói là tiền bán xe có được, T cầm 1.900.000đ, T và Thủy tiêu sài cá nhân hết số tiền trên. Sau khi mua được xe mô tô BKS 35B1- 653.10 Ng điều khiển xe mô tô về nhà, gọi điện cho T hỏi về nguồn gốc chiếc xe lấy ở đâu, T nói đó là xe T vừa trộm cắp được ở thành phố Ninh Bình. Để tránh bị phát hiện Ng đã tháo biển kiểm soát vất đi sau đó nhờ Hoàng Mai Cường, sinh năm 1984, trú tại: Mai X, xã M, Thành phố N, là người quen biết từ trước nhờ bán hộ chiếc xe trên với giá 4.500.000đ. Đến ngày 06/10/2017 được biết chiếc xe trên là tang vật của vụ án nên C tự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX màu đen cam không đeo biển kiểm soát cho cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nam Định. Do không thuộc thẩm quyền nên ngày 27/9/2017 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nam Định đã có công văn trao đổi thông tin vụ án và chuyển chiếc xe mô tô trên đến Công an thành phố Ninh Bình giải quyết theo thẩm quyền. Công an thành phố Ninh Bình thu giữ của anh Đỗ Văn C 01 đăng ký xe mô tô mang tên Đỗ Văn C.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 72 ngày 20/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản UBND thành phố Ninh Bình kết luận chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX BKS 35B1- 653.10 trị giá là 10.800.000đ (Mười triệu T trăm nghìn đồng).

Đối với BKS 35B1-653.10 Ng khai sau khi tháo BKS Ng đã vất bỏ ở đâu không nhớ, nên cơ quan CSĐT không thu hồi được.

Anh Đỗ Văn C đã nhận lại tài sản chiếc xe Wave RSX BKS 35B1-653.10 và không có yêu cầu đề nghị gì đối với biển kiểm soát bị mất.

Chiếc vạm phá khóa là công cụ mà T sử dụng vào việc phạm tội, T khai sau khi phạm tội T đã vất đi không nhớ ở đâu nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 18S4- 6517 là phương tiện bị cáo Th sử dụng chở T đi trộm cắp tài sản, 3 chiếc điện thoại mà T, Th và Ng sử dụng để liên lạc vào việc phạm tội, cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nam Định đã thu giữ và đã xử lý cùng vụ án tại tỉnh Nam Định.

Tại bản cáo trạng số 26/CT- VKS ngày 02 tháng 02 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình truy tố các bị cáo Bùi Văn T và Phạm Trọng Th ra trước Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình để xét xử về Tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; Vũ Đại Ng về Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng, không thay đổi bổ sung gì và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn T; Phạm Trọng Th phạm Tội trộm cắp tài sản và bị cáo Vũ Đại Ng phạm Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có; Áp dụng: khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999; xử phạt: Bị cáo Bùi Văn T từ 12 đến 15 tháng tù; Áp dụng: khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999; xử phạt: Bị cáo Phạm Trọng Th từ 12 đến 15 tháng tù; Áp dụng: khoản 1 Điều 250; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; xử phạt: Bị cáo Vũ Đại Ng từ 9 đến 12 tháng tù;

Tại bản án số 07/2018/HSST ngày 11/01/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xử phạt bị cáo Bùi Văn T 33 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, xử phạt bị cáo Phạm Trọng Th 30 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, xử phạt bị cáo Vũ Đại Ng 27 tháng tù về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Áp dụng Điều 50; khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt buộc các bị cáo Bùi Văn T, Phạm Trọng Th và Vũ Đại Ng phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án: Bản án số 07/2018/HSST ngày 11/01/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định và hình phạt của lần phạm tội này. Thời hạn tù tính từ ngày 23/9/2017 đối với bị cáo T và bị cáo Th, thời hạn tù tính từ ngày 25/9/2017 đối với bị cáo Ng. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình

sự: Buộc bị cáo Bùi Văn T phải nộp lại số tiền 1.900.000đ, bị cáo Phạm Trọng Th phải nộp lại số tiền 1.100.000đ có được do bán tài sản trộm cắp mà có để sung quỹ nhà nước. Về trách nhiệm dân sự: Anh Đỗ Văn C đã nhận lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đen cam không có biển kiểm soát và 01 đăng ký xe mô tô mang tên anh Đỗ Văn C, không có ý kiến gì đối với biển kiểm soát bị mất, nên trách nhiệm dân sự đã giải quyết xong. Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo Bùi Văn T, Phạm Trọng Th và Vũ Đại Ng khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố là đúng, không có ý kiến tranh luận gì và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo tại cơ quan Điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, tang vật chứng của vụ án và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Từ những chứng cứ nêu trên đủ căn cứ kết luận: Khoảng 11 giờ ngày 03/9/2017 tại khu tập thể nhà máy Đ thuộc phố N, phường T, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, các bị cáo Bùi Văn T và Phạm Trọng Th đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản, dựng xe không khóa càng, không có người trông coi đã lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hon da Wave RSX màu đen cam BKS 35B1 - 653.10 của anh Đỗ Văn C trị giá là 10.800.000đ. Mặc dù không có hứa hẹn từ trước và biết rõ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hon da Wave RSX màu đen cam BKS 35B1 - 653.10 là tài sản do bị cáo T trộm cắp mà có, nhưng Vũ Đại Ng vẫn mua chiếc xe trên của T với giá là 3.000.000đ. Hành vi của bị cáo Bùi Văn T và Phạm Trọng Ng đã phạm Tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; Hành vi của bị cáo Vũ Đại Ng đã phạm Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, theo quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh, trật tự trên địa bàn, gây hoang mang trong nhân dân. Bản thân các bị cáo đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy cần xét xử các bị cáo với mức hình phạt thỏa đáng mới có đủ điều kiện giáo dục cải tạo các bị cáo thành người lương thiện và phòng ngừa chung. Hội đồng xét xử thấy hành vi, tội danh và điều khoản áp dụng tại bản cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội của Kiểm sát viên đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Trong vụ án này có hai bị cáo tham gia trộm cắp tài sản nhưng không mang tính tổ chức mà chỉ là đồng phạm giản đơn. Bị cáo Vũ Đại Ng không hứa hẹn trước, biết rõ tài sản do T trộm cắp mà có nhưng vẫn tiêu thụ tài sản, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm riêng biệt về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

[3] Về vai trò của bị cáo T và Ng trong vụ án:

- Bị cáo Bùi Văn T: Là người khởi xướng, rủ rê bị cáo Phạm Trọng Th và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; sau khi trộm cắp được tài sản bị cáo là người mang tài sản đi tiêu thụ ăn chia số tiền nhiều hơn. Vì vậy bị cáo giữ vai trò đầu vụ.

- Bị cáo Phạm Trọng Th: Đồng phạm với vai trò giúp sức tích cực, dùng phương tiện của mình chở T đi trộm cắp tài sản, đứng ngoài cảnh giới cho T thực hiện tội phạm nên bị cáo giữ vai trò thứ hai.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của từng bị cáo trong vụ án:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo T và bị cáo Ng : Không có. Bị cáo Th đã có tiền án về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục cố ý phạm tội trộm cắp tài sản nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan Điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo nên đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị xét xử về tội chiếm đoạt tài sản, nhưng các bị cáo không chịu tu dưỡng, sửa chữa để trở thành công dân tốt.

[5] Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội, hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần phải xử phạt tù cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để tạo điều kiện cho các bị cáo cải tạo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Trong thời gian từ cuối tháng 8 đầu tháng 9 năm 2017 bị cáo T và bị cáo Th đã cùng nhau thực hiện 4 vụ trộm cắp tài sản trong đó 3 vụ xảy ra trên địa bàn tỉnh Nam Định và 1 vụ xảy ra trên địa bàn thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, các lần trộm cắp tài sản bị cáo T đều bán cho bị cáo Ng. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nam Định đã khởi tố, điều tra. Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử 03 vụ xảy ra trên địa bàn tỉnh Nam Định và tách toàn bộ tài liệu, vật chứng liên quan đến vụ trộm cắp tài sản của anh Đỗ Văn C đến Cơ quan C sát Điều tra Công an thành phố Ninh Bình để điều tra theo thẩm quyền, nên tại bản án số 07/2018/HSST ngày 11/01/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xử phạt bị cáo Bùi Văn T 33 tháng tù, bị cáo Phạm Trọng Th 30 tháng tù đều về tội “Trộm cắp tài sản”; Bị cáo Ng 27 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; thời hạn chấp hành hình phạt tù các bị cáo T, bị cáo Th tính từ ngày 23/9/2017, thời hạn chấp hành hình phạt tù

bị cáo Ng tính từ ngày 25/9/2017. Bản án đã có hiệu lực pháp luật; Theo quy định tại Điều 51 BLHS năm 1999 Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình sẽ tổng hợp hình phạt của bản án này với bản án đang bị xét xử để quyết định hình phạt chung đối với các bị cáo. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng tái phạm đối với bản án số 07/2018/HSST ngày 11/01/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

[7] Việc xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Chiếc xe mô tô BKS 18S4 -5617 là phương tiện bị cáo Th sử dụng chở bị cáo T đi trộm cắp tài sản, 03 chiếc điện thoại mà các bị cáo T, Th và Ng sử dụng để liên lạc vào việc phạm tội, đã được Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nam Định thu giữ và xử lý trong vụ án xảy ra tại tỉnh Nam Định, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong bản án này.

Chiếc Vam phá khóa là công cụ bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội, sau khi phạm tội bị cáo T vất đi không nhớ ở đâu, nên Cơ quan CSĐT không thu hồi được, do vậy không có căn cứ xử lý.

Đối với BKS 35B1- 653.10 sau khi mua xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đen cam BKS 35B1 - 653.10 bị cáo Ng tháo vất bỏ biển kiểm soát ở đâu không nhớ nên Cơ quan CSĐT không thu hồi được.

Cơ quan CSĐT đã trả lại cho anh Đỗ Văn C 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đen cam không có biển kiểm soát và 01 đăng ký xe mô tô mang tên anh Đỗ Văn C là có căn cứ. Anh C đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì về phân trách nhiệm dân sự đối với biển kiểm soát bị mất, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Buộc các bị cáo Bùi Văn T và Phạm Trọng Th phải nộp lại số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) thu lời từ việc bán tài sản do phạm tội mà có theo phần bị cáo T 1.900.000đ (Một triệu chín trăm nghìn đồng), bị cáo Th 1.100.000đ (Một triệu một trăm nghìn đồng) để tịch thu sung quỹ nhà nước.

[8] Trong vụ án này còn có anh Hoàng Mai C là người được bị cáo Ng nhờ bán hộ chiếc xe mô tô BKS 35B1-653.10, khi đưa xe mô tô cho anh C, bị cáo Ng không nói về nguồn gốc chiếc xe, anh C không biết đó là chiếc xe do Ng phạm tội mà có, nên không có căn cứ để xử lý đối với anh C.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo mức án phí quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Các bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[11] Hành vi, quyết định tổ tụng của điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[12] Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Bùi Văn T và Phạm Trọng Th phạm Tội trộm cắp tài sản; Bị cáo Vũ Đại Ng phạm Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có .

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt: Bị cáo Bùi Văn T 12 (Mười hai) tháng tù. Tổng hợp 33 (Ba mươi ba) tháng tù của bản án số 07 ngày 11/01//2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định. Buộc bị cáo Bùi Văn T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 45 (bốn mươi lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/9/2017.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48; khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt: Bị cáo Phạm Trọng Th 12 (Mười hai) tháng tù. Tổng hợp 30 (Ba mươi) tháng tù của bản án số 07 ngày 11/01//2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định. Buộc bị cáo Phạm Trọng Th phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 42 (bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/9/2017.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 250; điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt: Bị cáo Vũ Đại Ng 09 (Chín) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 27 (Hai mươi bảy) tháng tù của bản án số 07 ngày 11/01//2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định. Buộc bị cáo Vũ Đại Ng phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/9/2017.

3. Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Buộc các bị cáo Bùi Văn T và Phạm Trọng Th phải nộp lại số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) để tịch thu sung quỹ nhà nước, theo phần bị cáo T 1.900.000đ (Một triệu chín trăm nghìn đồng), bị cáo Th 1.100.000đ (Một triệu một trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền trên (trừ tiền án phí) thì hàng tháng người phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi xuất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Bùi Văn T, Phạm Trọng Th và Vũ Đại Ng mỗi bị cáo phải nộp 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 26/3/2018.

Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự: “Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND- TPNB;
- THADS- TPNB;
- Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình;
- Các bị cáo;
- Công an TPNB;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn./.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Trần Thị Sâm